

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **278/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 – 4 - 2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Hoàng Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Nhung  
2. Bà Trần Quang Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Kim O, sinh năm 1958

Địa chỉ: 232 đường B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Công A, sinh năm 1957

Địa chỉ: 232 đường B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn bà Vũ Thị Kim O trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Công A tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 372 ngày 21/6/1984 của Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố N, tỉnh N.

Cuộc sống vợ chồng từng rất hạnh phúc, đến khi ông A công tác tại Công ty M một thời gian thì ông ngoại tình và có 01 con riêng. Từ đó, ông thay đổi

tính tình, ông A thường tra tấn tinh thần bà, mỗi khi bà nói thì lăng mạ và dùng vũ lực. Vì đã lớn tuổi nên bà không chịu được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông A để ổn định cuộc sống.

- Bị đơn ông Nguyễn Công A vắng mặt tại các buổi hòa giải nhưng vào ngày 19/3/2021 ông có bản tự khai trình bày như sau:

Quá trình chung sống, kết hôn đúng như lời bà O trình bày.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống ở N đến năm 2000 thì chuyển vào số 232 đường B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống.

Vợ chồng ông đã sống với nhau được 37 năm cho tới tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bà O tự ý bỏ về nhà ngoại ở. Ông không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà O.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/3/1985 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 28/01/1988, đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên. Riêng về vấn đề tài sản chung bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử:

Căn cứ bản tự khai của bà O cùng tài liệu chứng có trong hồ sơ và diễn biến phiên tòa hôm nay, nhận thấy quan hệ hôn nhân của ông A và bà O là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà O và ông A không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông A.

Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/3/1985 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 28/01/1988, đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm tính theo quy định của Pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 372 ngày 21/6/1984 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh N thì quan hệ hôn nhân giữa Vũ Thị Kim O và ông Nguyễn Công A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Nguyễn Công A cư trú tại quận Tân Phú. Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông Nguyễn Công A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông A vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Kim O với ông Nguyễn Công A.

Theo lời trình bày của bà O, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A ngoại tình và có 01 con riêng. Từ đó ông A thay đổi tính tình, thường xuyên tra tấn tinh thần, lăng mạ và dùng vũ lực đối với bà. Vì đã lớn tuổi nên bà không chịu được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông A.

Ông Nguyễn Công A cho rằng, vợ chồng sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà O tự ý chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà O thì ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà O.

Hội đồng xét xử xét thấy ông A, bà O không chung sống với nhau đã lâu, ông A không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà O và ông A xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/3/1985 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày

28/01/1988 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông A và bà O xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị Kim O là người cao tuổi theo qui định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 12; Điều 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 12; Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim O.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim O được ly hôn với ông Nguyễn Công A. Quan hệ hôn nhân của bà Vũ Thị Kim O và ông Nguyễn Công A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 372 ngày 21/6/1984 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh N chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, các bên đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Bà O và ông A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho bà Vũ Thị Kim O, hoàn cho bà Vũ

Thị Kim O số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà O đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0071732 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị Kim O được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Công A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N.
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Hoàng Lâm**